

VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

NGÔ THỊ THU HÀ*

Tóm tắt: Ngay từ thời cổ đại, giáo dục, đào tạo luôn được đặt ở vị trí quan trọng. Đặc biệt, trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức như hiện nay, khi nguồn lực con người đang ngày càng chiếm vị trí trung tâm, hàng đầu của sự phát triển thì giáo dục, đào tạo ngày càng trở thành vấn đề thời sự được bàn đến trên các diễn đàn nghị sự ở Việt Nam. Đại hội XI của Đảng xác định: phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản nền giáo dục quốc dân. Trong khuôn khổ bài viết, tác giả nêu khái quát vai trò của giáo dục, đào tạo đối với việc phát triển nguồn nhân lực; thực trạng giáo dục, đào tạo ở Việt Nam trong những năm qua; từ đó, đưa ra một số giải pháp đổi mới, nâng cao giáo dục, đào tạo nhằm phát triển nguồn nhân lực ở Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Từ khóa: Vai trò của giáo dục, đào tạo; phát triển nguồn nhân lực; nhân lực chất lượng cao.

1. Vai trò của giáo dục, đào tạo đối với việc phát triển nguồn nhân lực

Ngày nay, trong điều kiện của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, tỷ lệ lao động cơ bắp ngày một giảm, lao động trí tuệ ngày càng gia tăng, lợi thế so sánh dựa trên số lượng lao động và giá nhân công rẻ cũng ngày một giảm và đang chuyển dần về phía những quốc gia có nguồn nhân lực chất lượng cao. Do đó, chất lượng nguồn nhân lực đang trở thành yếu tố quyết định nhất đối với việc tăng lợi thế cạnh tranh cũng như sự phát triển nhanh và bền vững của mỗi quốc gia. Ở Việt Nam, Đảng ta cũng nhất quán quan điểm khẳng định: “Nguồn lực con người là quý báu, có vai trò

quyết định, đặc biệt đối với nước ta, khi nguồn lực tài chính và nguồn lực vật chất còn hạn hẹp”⁽¹⁾. Tuy nhiên, để phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chúng ta phải cần đến một hệ thống giải pháp đồng bộ về giáo dục, đào tạo, chăm sóc sức khỏe, nâng cao chất lượng dân số, cải thiện môi trường sống, tạo việc làm, tổ chức khai thác lực lượng lao động, phát triển văn hóa tạo ra động lực kích thích tính tích cực ở con người.

(*) Thạc sĩ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam(1997), *Văn kiện Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 9.

Không chỉ trong điều kiện hiện nay, mà các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin lúc đương thời đã đặt giáo dục, đào tạo ở vị trí trung tâm trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong tác phẩm “Bàn về chế độ hợp tác”, V.I. Lênin viết: “Sự thay đổi căn bản đó là ở chỗ: trước đây chúng ta đã đặt và không thể không đặt trọng tâm công tác của chúng ta vào cuộc đấu tranh chính trị, vào cách mạng, vào việc giành lấy chính quyền... thì trọng tâm công tác của chúng ta hiện nay quả thật là xoáy vào hoạt động giáo dục”⁽²⁾. Người cũng giải thích rõ tại sao giáo dục, đào tạo lại có tầm quan trọng đặc biệt như vậy. Đó là vì cơ sở vật chất duy nhất của chủ nghĩa xã hội chỉ có thể là nền đại công nghiệp cơ khí có khả năng cải tạo cả nông nghiệp và để có được cơ sở đó, không có cách nào khác là nước Nga phải tiến hành điện khí hóa toàn quốc. Nhưng công việc điện khí hóa toàn quốc lại “không thể do những người mù chữ mà thực hiện được, mà chỉ biết chữ thôi thì cũng không đủ. Công việc tiến hành điện khí hóa toàn quốc chỉ có thể thực hiện trên cơ sở một nền học vấn hiện đại, nền học vấn mà thiếu nó thì chủ nghĩa cộng sản vẫn chỉ là một nguyện vọng mà thôi”⁽³⁾. Và để có được nền học vấn đó thì cũng chỉ có một cách duy nhất là tập trung vào phát triển giáo dục, đào tạo.

Từ những chỉ dẫn của các nhà kinh điển và yêu cầu của thực tiễn, Đảng ta đã coi giáo dục, đào tạo là quốc sách hàng đầu. Bởi lẽ, “Giáo dục và đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp

phần quan trọng phát triển đất nước, xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam”⁽⁴⁾. Đồng thời, Đảng xác định ba mục tiêu mà sự nghiệp giáo dục, đào tạo phải đạt tới là nâng cao dân trí, phát triển nhân lực và bồi dưỡng nhân tài, trong đó phát triển nhân lực là mục tiêu có ý nghĩa quan trọng và được ưu tiên hơn.

Nói đến nguồn nhân lực là nói đến tổng thể các yếu tố thể lực, trí lực, kỹ năng lao động, thái độ và phong cách làm việc, kinh nghiệm sống, đạo đức, lý tưởng, chất lượng văn hóa, năng lực chuyên môn, tính năng động trong công việc mà bản thân con người và xã hội có thể huy động vào cuộc sống lao động sáng tạo vì sự phát triển và tiến bộ của xã hội. Phát triển nguồn nhân lực có thể hiểu là tổng thể các hình thức, phương pháp, chính sách và biện pháp nhằm tạo ra sự tăng trưởng về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực; đồng thời, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng để nguồn nhân lực này đáp ứng ngày càng tốt hơn sự phát triển bền vững của đất nước. Từ nội dung của phát triển nguồn nhân lực như vậy, chúng ta có thể thấy vai trò của giáo dục, đào tạo đối với phát triển nguồn nhân lực thực chất là làm gia tăng về chất lượng của nguồn nhân lực và đảm bảo cơ cấu về số lượng lao động một cách hợp lý trong từng ngành, lĩnh vực.

(2) V.I.Lênin (1987), *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tập 45, tr. 428.

(3) V.I.Lênin (1978), *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tập 41, tr. 364 - 365.

(4) Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 77.

Sở dĩ giáo dục, đào tạo có vai trò quan trọng đối với phát triển nguồn nhân lực là vì, đối tượng hướng đến của giáo dục là con người và mục tiêu của nó là trang bị những năng lực cần thiết cho con người tham gia vào đời sống xã hội. Giáo dục tác động vào chính con người với tư cách là chủ thể của hoạt động xã hội nhằm biến đổi chủ thể đó thành con người nhân cách, tăng sức mạnh thể chất và tinh thần của con người, tăng khả năng tham gia vào các hoạt động xã hội của con người. Giáo dục, đào tạo góp phần nâng cao trình độ văn hóa, trình độ học vấn, trình độ khoa học - kỹ thuật, xử lý công nghệ, tổ chức quản lý và năng lực hoạt động thực tiễn của người lao động, ảnh hưởng đến thể lực, trí lực, đức dục của con người. Như vậy, giáo dục tái sản xuất ra năng lực hoạt động của con người, thúc đẩy xã hội phát triển. Giáo dục, đào tạo không chỉ là phương thức chủ yếu để giữ gìn, phổ biến, giao lưu, phát triển văn hóa, khoa học, mà còn tạo ra nguồn nhân lực cho việc tái sản xuất ra sức lao động. Chính vì vậy, ngày nay, người ta quan niệm giáo dục không chỉ là một phúc lợi xã hội, nâng cao đời sống tinh thần, là một bộ phận của cách mạng văn hóa - tư tưởng, của kiến trúc thượng tầng mà còn là yếu tố thuộc cơ sở hạ tầng, giữ vị trí nền tảng, vai trò quyết định đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.

2. Thực trạng giáo dục, đào tạo ở Việt Nam trong những năm qua

Giáo dục, đào tạo ở nước ta trong những năm qua đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng nguồn

nhân lực để cung cấp cho các ngành, lĩnh vực kinh tế của đất nước. Trình độ học vấn, trình độ chuyên môn kỹ thuật, thể lực của người lao động Việt Nam đã từng bước được nâng lên. Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2010 đạt 40% tổng số lao động đang làm việc⁽⁵⁾. Giáo dục, đào tạo đã tạo ra nguồn nhân lực có kỹ năng, nghiệp vụ trong nhiều ngành nghề của nền kinh tế, cả những ngành, nghề mới xuất hiện ở Việt Nam.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu kể trên thì vẫn phải thừa nhận rằng, giáo dục, đào tạo ở Việt Nam chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nguồn nhân lực cả trong hiện tại lẫn tương lai. Đảng ta đã nhìn nhận những yếu kém của ngành giáo dục, đó là: “Chất lượng giáo dục và đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, nhất là đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao vẫn còn hạn chế; chưa chuyển mạnh sang đào tạo theo nhu cầu của xã hội. Chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng số lượng, quy mô với nâng cao chất lượng, giữa dạy chữ và dạy người. Chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học lạc hậu, chậm đổi mới; cơ cấu giáo dục không hợp lý giữa các lĩnh vực, ngành nghề đào tạo”⁽⁶⁾. Theo số liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ở Việt Nam, hằng năm có khoảng 3,6% học sinh trong độ tuổi không được đến trường. Tỷ lệ học sinh ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nạn bỏ học cao hơn so với các vùng kinh tế trọng điểm và các khu đô

⁽⁵⁾ *Sđd*, tr. 153.

⁽⁶⁾ *Sđd*, tr. 167 -168.

thị (Đồng bằng sông Hồng, tỷ lệ học sinh bỏ học là 2,96%; khu vực Tây Bắc là 6,91%; Tây Nguyên là 17,16% và Đồng bằng sông Cửu Long là 12,64%). Ở các vùng núi cao, số trẻ em gái không biết chữ ở nhóm 10 tuổi là 13,69%; nhóm 11 – 14 tuổi là 7,98%; nhóm 15 – 17 tuổi là 9,08%. Nếu tính theo nhóm dân tộc thì số trẻ em gái mù chữ người Mông là 90%, Hà Nhì 89%, Giarai 83%, Bana 82%...

Những hạn chế, yếu kém về giáo dục, đào tạo ở Việt Nam những năm qua được thể hiện ở những điểm chính như sau:

Thứ nhất, một số chính sách về giáo dục, đào tạo đang thực hiện đã bộc lộ những bất cập, mang tính giải quyết tình thế, chưa đáp ứng yêu cầu hình thành chiến lược lâu dài hướng tới tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao theo yêu cầu và bảo đảm tính đồng đều giữa các vùng miền trên phạm vi cả nước. Trong chính sách “Xây dựng và phát triển hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, tạo nguồn”, thì về quy mô các trường và giữa các vùng, miền rất không đồng đều. Các dự án xây dựng vừa gây lãng phí, vừa bất cập lại chông chéo với quy mô huy động số học sinh theo mật độ dân cư và khả năng kinh tế.

Sự phối hợp giữa chính quyền các cấp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thiếu chặt chẽ, dẫn đến cơ cấu ngành nghề được đào tạo cử tuyển chưa phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Nhiều nơi nảy sinh các sai sót trong việc cử tuyển, “lách luật” để giành chỉ tiêu đào tạo như: thay đổi địa chỉ nơi cư trú, thành phần dân tộc để

được xét cử tuyển. Tình trạng một bộ phận sinh viên diện cử tuyển đã phá bỏ cam kết để tìm kiếm việc làm ở thành phố; ngược lại, có địa phương cử học sinh đi học khi trở về lại không nhận vào các cơ quan làm việc. Số cán bộ được đào tạo không được sử dụng hết dẫn đến sự lãng phí rất lớn.

Thứ hai, chất lượng giáo dục, đào tạo nhìn chung còn chưa đáp ứng được yêu cầu của xã hội, do đó chất lượng nguồn nhân lực ở nước ta còn thấp. Mặc dù ngành giáo dục trong những năm đổi mới có nhiều bước phát triển, nhưng chúng ta còn quá tập trung vào việc tăng số lượng, quy mô đào tạo mà chưa thật sự chú ý đến chất lượng. Chương trình, nội dung và phương pháp dạy học là yếu tố quyết định nhất đến chất lượng của nguồn nhân lực. Tuy nhiên, cả chương trình, nội dung lẫn phương pháp dạy học vẫn còn lạc hậu. Chúng ta quá chú trọng đến dạy kiến thức mà không quan tâm nhiều đến việc dạy kỹ năng, tác phong, văn hóa, đạo đức... cho người lao động. Dạy kiến thức thì chủ yếu thiên về lý thuyết; dạy thực hành rất ít, thường chỉ trong mấy tháng cuối khóa học. Mặc dù chúng ta cũng có nhiều nỗ lực để đổi mới phương pháp dạy học, khuyến khích sử dụng phương pháp dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm, nhưng vì nhiều lí do mà phương pháp truyền thống vẫn chiếm ưu thế, phương pháp mới chưa tạo ra sự chuyển biến. Tất cả những hạn chế đó của ngành giáo dục, đào tạo thể hiện rõ nét trên sản phẩm của nó, đó chính là chất lượng của nguồn nhân lực còn thấp. Người lao

động còn thiếu tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động, một bộ phận chậm thích nghi với cơ chế thị trường, tính tổ chức và kỷ luật chưa tốt, trình độ vận dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ kém... Nói chung, người lao động Việt Nam còn thiếu nhiều phẩm chất, năng lực so với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội trong điều kiện cạnh tranh toàn cầu rất gay gắt như hiện nay. So với các nước trong khu vực, thứ hạng về chất lượng nguồn nhân lực của nước ta là rất thấp. Nếu tính thang điểm 10 thì chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam chỉ đạt 3,79 điểm, trong khi Hàn Quốc là 6,91, Ấn Độ là 5,76, Trung Quốc là 5,73, Malaixia là 5,59 điểm.

Thứ ba, cơ cấu giáo dục không hợp lý giữa các ngành, lĩnh vực, từ đó dẫn đến cơ cấu nguồn nhân lực của nước ta cũng bất hợp lý. Cơ cấu đào tạo hiện nay chưa phù hợp mà người ta thường gọi là “thừa thầy, thiếu thợ”, thể hiện qua tỷ lệ bậc đại học và trên đại học là 1, trung học chuyên nghiệp là 1,3 và công nhân kỹ thuật là 0,92. Trên thế giới, tỷ lệ tương ứng này là 1- 4 -10. Cơ cấu nguồn nhân lực theo ngành nghề cũng mất cân đối. Các ngành nghề trong những lĩnh vực khoa học, công nghệ cao, những lĩnh vực có ý nghĩa quyết định đến việc hiện đại hóa nền kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh với thế giới như kinh doanh tài chính, ngân hàng, kiểm toán, công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông, cơ khí chế tạo... đang thiếu nguồn nhân lực, trong khi đó một số ngành xã hội, kinh tế lại thừa lao động.

Có thể thấy, cho đến nay chúng ta

vẫn chưa có một chiến lược tổng thể về xây dựng, phát triển và sử dụng nguồn nhân lực quốc gia, đặc biệt là chi tiết tổng thể chiến lược xây dựng và phát triển nguồn nhân lực cho một số ngành, lĩnh vực có tính chất lợi thế cạnh tranh của nền kinh tế. Để có nguồn nhân lực Việt Nam chất lượng toàn diện cả về thể lực, trí tuệ, ý chí, năng lực và đạo đức; có kỹ năng nghề nghiệp cao, khả năng thích ứng nhanh, chủ động trong môi trường sống, trở thành nền tảng và lợi thế cho sự phát triển bền vững đất nước, hội nhập quốc tế, thì vấn đề đặt ra là phải đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo ở tất cả các cấp bậc, ngành nghề kinh tế - xã hội.

3. Một số giải pháp đổi mới, nâng cao giáo dục, đào tạo nhằm phát triển nguồn nhân lực ở Việt Nam hiện nay

Nhiệm vụ lớn, bao trùm cần quán triệt thực hiện để giáo dục, đào tạo phát huy hết vai trò của mình đối với phát triển nguồn nhân lực ở nước ta hiện nay là “đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo theo nhu cầu phát triển của xã hội”⁽⁷⁾. Mục tiêu và cách thức sử dụng nguồn lao động của xã hội sẽ quyết định mục tiêu và cách thức đào tạo. Xã hội chính là người đặt hàng cho giáo dục, đào tạo. Nguồn nhân lực xã hội cần gì thì giáo dục đào tạo phải hướng đến đáp ứng mục tiêu đó. Chúng ta phải gắn đào tạo với sử dụng là để khắc phục tình trạng bất cập giữa đào tạo với thị trường lao động dẫn đến hiện tượng sản phẩm đào tạo ra vừa thừa lại

⁽⁷⁾ *Sđd*, tr. 77.

vừa thiếu. Sự bất cập này chẳng những không đáp ứng được yêu cầu về số lượng và chất lượng lao động, làm giảm hiệu quả giáo dục đào tạo, mà còn gây sự lãng phí đáng tiếc, nhất là nguồn vốn đầu tư cho giáo dục, đào tạo ở nước ta hiện nay không nhiều. Để thực hiện nhiệm vụ trên, cần tập trung thực hiện một số giải pháp cơ bản sau:

Thứ nhất, đổi mới mạnh mẽ nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học ở tất cả các cấp học, bậc học. Sở dĩ như vậy, vì thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội chỉ ra rằng, chỉ khi nào nguồn nhân lực Việt Nam phát triển cả về trí lực và thể lực, cả về kỹ năng lao động, về tính tích cực chính trị xã hội, về đạo đức, tình cảm trong sáng thì mới trở thành nguồn lực quan trọng nhất của sự phát triển. Để nội dung giáo dục phù hợp với yêu cầu của thực tiễn xã hội, thì chương trình đào tạo phải toàn diện cả dạy chữ, dạy nghề, dạy người, không chỉ gồm những kiến thức về khoa học, kỹ thuật, công nghệ, chuyên môn, nghiệp vụ, mà cả những kiến thức về những giá trị văn hóa, nhân văn của con người Việt Nam. Trong nội dung giáo dục, đào tạo cần chú ý đến việc giáo dục văn hóa lao động công nghiệp, ý thức tiết kiệm, tinh thần lao động, trách nhiệm công dân và lương tâm nghề nghiệp, ý thức dân tộc. Đổi mới phương pháp giáo dục theo hướng biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo, nhằm kích thích, phát huy tính chủ động, tích cực, thúc đẩy sự phát triển trí tuệ và khai thác khả năng sáng tạo của người học, giúp họ hình thành năng lực

và phương pháp tư duy khoa học. Giờ đây, hiệu quả của giáo dục không chỉ được tính bằng lượng kiến thức đã truyền đạt, mà còn được tính bằng sự phát triển của năng lực sáng tạo, phương pháp tư duy khoa học, khả năng thích nghi và khả năng biến tri thức thành kỹ năng của người lao động. Đây là nền tảng và phương tiện quan trọng giúp họ đạt hiệu quả cao không chỉ trong hoạt động thực tiễn, mà còn cả trong quá trình tiếp tục tự đào tạo, cập nhật kiến thức thường xuyên để thích nghi với sự biến đổi nhanh chóng của hiện thực xã hội.

Thứ hai, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đa dạng, đa tầng của công nghệ và trình độ phát triển của các lĩnh vực, ngành nghề. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà Việt Nam đang tiến hành vừa có bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt. Cùng một lúc, Việt Nam sử dụng nhiều trình độ công nghệ khác nhau, phát triển đa dạng các ngành nghề, cả những ngành sử dụng nhiều lao động và những ngành mũi nhọn, có lợi thế so sánh và có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển nhanh, có khả năng tham gia sâu vào mạng sản xuất và phân phối toàn cầu. Do đó, để đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giáo dục, đào tạo phải đa dạng cả về trình độ và ngành nghề. Trong đó, tập trung thực hiện chương trình, đề án đào tạo nhân lực chất lượng cao đối với các ngành, lĩnh vực chủ yếu, mũi nhọn.

Thứ ba, thực hiện liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp, cơ sở sử dụng

lao động, cơ sở đào tạo và Nhà nước để phát triển nguồn nhân lực theo nhu cầu của xã hội. Muốn vậy, chúng ta phải có cơ chế, chính sách phù hợp thiết lập mối liên kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp cả về nguồn lực, xây dựng nội dung, chương trình đào tạo và sử dụng hiệu quả sản phẩm giáo dục, đào tạo. Đồng thời, chúng ta cần tạo điều kiện và có cơ chế, chính sách mạnh mẽ khuyến khích các doanh nghiệp thuộc tất cả các thành phần kinh tế đầu tư kinh phí để xây dựng, phát triển hệ thống đào tạo ngay tại doanh nghiệp.

Thứ tư, làm tốt công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển. Nhà nước xây dựng chiến lược nguồn nhân lực theo lĩnh vực và bậc đào tạo gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế. Muốn xây dựng được chiến lược phát triển nguồn nhân lực chính xác, thì Nhà nước cần tiến hành tốt công tác dự báo nhu cầu và thị trường lao động cả trong ngắn hạn và dài hạn. Trên cơ sở chiến lược tổng thể về phát triển nguồn nhân lực, cần “Rà soát, hoàn thiện quy hoạch và thực hiện quy hoạch mạng lưới trường đại học, cao đẳng và dạy nghề trong cả nước cho phù hợp.

Tóm lại, giáo dục, đào tạo là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân và không thể làm được trong ngày một ngày hai. Song trong bối cảnh tụt hậu của nước ta hiện nay so với trình độ chung của khu vực và thế giới, nếu muốn nguồn nhân lực của chúng ta có bước phát triển cao, đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp

hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, thì chúng ta phải nhanh chóng đổi mới giáo dục, đào tạo, phải có quyết tâm lựa chọn những cách làm bài bản, theo một lộ trình nhất định. Việc nhận thức đúng đắn và đầy đủ về vai trò của giáo dục, đào tạo đối với việc phát triển nguồn nhân lực sẽ góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế của Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. GS.TS. Phạm Minh Hạc (2001), *Về phát triển toàn diện con người trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Lê Thị Ái Lâm (2003), *Phát triển nguồn nhân lực thông qua giáo dục và đào tạo, kinh nghiệm Đông Á*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Đoàn Khải (2005), *Nguồn lực con người trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Trần Khánh Đức (2010), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
5. Nguyễn Văn Lượng (2010), “Một số giải pháp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam”, Tạp chí *Giáo dục*, số 243.
6. Chu Văn Cấp (2012), “Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững”, Tạp chí *Khoa học chính trị*, số 2.
7. Tạp chí Cộng sản - Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật (2012), *Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Hà Nội.

